



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

**Ngành: KẾ TOÁN**

Accounting

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị được giao quản lý	<b>Khoa Kế toán – Tài chính</b>
Tên chương trình	<b>Kế toán</b>
Trình độ đào tạo	<b>Thạc sĩ</b>
Mã số ngành đào tạo	<b>8340301</b>
Định hướng đào tạo	<b>Ứng dụng</b>
Tổng số tín chỉ	<b>60</b>
Thời gian đào tạo	<b>2 năm</b>
Ngôn ngữ đào tạo	<b>Tiếng Việt</b>
Tên văn bằng tốt nghiệp	<b>Thạc sĩ Kế toán</b>
Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	<b>4/2022</b>
Quyết định ban hành	<b>Số 569 /QĐ-ĐHNT ngày 16 / 5 /2022</b>

### II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm giúp người học có năng lực lãnh đạo, có kiến thức trình độ cao để quản trị doanh nghiệp, thiết kế và kiểm soát các hoạt động kế toán, hoạch định nguồn lực tài chính ở các tổ chức; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có phương pháp nghiên cứu khoa học và có khả năng hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở các chương trình đào tạo tiên tiến giúp người học nhanh chóng tiếp cận các thông lệ quốc tế của nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, đồng thời cập nhật những thay đổi nghề nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

### III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán nhằm giúp cho người học bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực hoạt động nghề nghiệp với các mục tiêu sau:

1. PEO 1: Có tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học, ý thức trách nhiệm; kiến thức nâng cao về khoa học quản lý, quản trị và kinh tế; năng lực tổ chức và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến; khả năng sáng tạo, thích nghi và tự định hướng; năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin để vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc;

2. PEO 2: Có năng lực tổ chức thực hiện công tác kế toán, thuế, kiểm toán ở các loại hình đơn vị khác nhau;

3. PEO 3: Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các quyết định liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán và quản trị doanh nghiệp;

4. PEO 4: Có năng lực dự báo và tư vấn chính sách cho nhà quản lý liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán.

#### IV. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, người học có những phẩm chất và năng lực sau:

1. PLO 1: Có cơ sở lý luận triết học áp dụng cho công việc học tập, nghiên cứu thuộc lĩnh vực đào tạo; vận dụng các kiến thức hiện đại về phương pháp luận khoa học, khoa học quản trị, quản lý và kinh tế để phát triển nghề nghiệp; có trách nhiệm trong công việc, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội;
2. PLO 2: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ và khả năng truyền đạt tri thức để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp; đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết công việc chuyên môn;
3. PLO 3: Áp dụng được những kiến thức nền tảng về quản trị và quản lý vào việc thực hiện quản trị đơn vị;
4. PLO 4: Áp dụng những kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán vào việc tổ chức thực hiện được công tác kế toán, thuế, kiểm toán ở các đơn vị khác nhau;
5. PLO 5: Phân tích, đánh giá các tình huống phát sinh trong lĩnh vực kế toán, thuế, tài chính của đơn vị để tư vấn chính sách cho nhà quản trị;
6. PLO 6: Dự báo và xây dựng được kế hoạch tài chính cho đơn vị;
7. PLO 7: Tổ chức điều hành, quản lý bộ máy kế toán, tài chính của đơn vị;
8. PLO 8: Tự cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn.

#### V. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs							
	1	2	3	4	5	6	7	8
1	X	X						
2			X	X			X	X
3					X	X	X	
4				X	X	X		X

## VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Thạc sỹ kế toán theo định hướng ứng dụng sau khi tốt nghiệp có thể làm việc độc lập, sáng tạo trong thực tế. Nơi làm việc và công việc có thể đảm nhận:

1. Hoạt động phân tích, đánh giá, tư vấn trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán, Thuế, Tài chính, ... ở các công ty nước ngoài, các tập đoàn công ty, công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, các tổ chức tư vấn, các Ngân hàng, quỹ đầu tư, các đơn vị hành chính sự nghiệp;
2. Giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ở các trường cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu;
3. Xây dựng, đánh giá chính sách vĩ mô về tài chính, kế toán, thuế ở cơ quan quản lý nhà nước.

## VII. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

### 1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng đại học

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, phù hợp và ngành gần; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.

TT	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	<b>Ngành đúng</b>	Không	-
	- Kế toán - Kiểm toán		
2	<b>Ngành gần, ngành phù hợp</b>	Có	
	- Tài chính doanh nghiệp - Tài chính ngân hàng - Tài chính công - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại - Marketing - Kinh tế		

### 2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức:

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm, học viên thuộc đối tượng có bằng đại học ngành gần hoặc phù hợp phải học bổ túc tổng khối lượng các học phần không quá 12 tín chỉ. Học viên sẽ học bổ sung kiến thức các học phần sau:

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ACC325	Nguyên lý kế toán	2(2-0)
2	ACC351	Kế toán tài chính	2(2-0)
3	AUD348	Kế toán quản trị 1	2(2-0)

### 3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển hoặc xét tuyển kết hợp với thi tuyển theo đề án tuyển sinh từng năm.

## VIII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Phần	Nội dung		Khối lượng	Tỷ lệ
1	<b>Tổng quát</b>		<b>15 TC</b>	<b>25,0%</b>
	Bắt buộc	Học phần Triết học (4 tín chỉ), Tiếng Anh (6 tín chỉ).	10	16,7%
	Tự chọn	Các học phần kiến thức và kỹ năng tổng quát phục vụ cho hoạt động chuyên môn nghề nghiệp hiệu quả.	5	8,3%
2	<b>Ngành và chuyên ngành</b>		<b>30 TC</b>	<b>50,0%</b>
	Bắt buộc	Các học phần có nội dung thiết yếu của ngành, chuyên ngành nhằm bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.	20 TC	33,3%
	Tự chọn	Các học phần mở rộng và nâng cao kiến thức của ngành, liên ngành hoặc đa dạng hoá hướng chuyên môn.	10 TC	16,7%
3	<b>Thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai</b>			
	Bắt buộc	Thực tập, đi thực tế, trải nghiệm sản xuất; nghiên cứu triển khai, kiểm nghiệm, ứng dụng lý thuyết, khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản lý.	<b>6 TC</b>	<b>10,0%</b>
4	<b>Tốt nghiệp</b>			
	Bắt buộc	<i>Học phần tốt nghiệp</i> : Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	<b>9 TC</b>	<b>15,0%</b>
<b>Tổng số tín chỉ của chương trình</b>			<b>60 TC</b>	<b>100%</b>

## IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Khung chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
<b>1. Kiến thức tổng quát</b>		<b>15</b>	

<b>1.1. Các học phần bắt buộc</b>		<b>10</b>	
1	Triết học/ <i>Philosophy</i>	4(4-0)	
2	Tiếng Anh học thuật 1/ <i>Academic English 1</i>	3(3-0)	
3	Tiếng Anh học thuật 2/ <i>Academic English 2</i>	3(3-0)	
<b>1.2. Các học phần tự chọn</b>		<b>5</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Nhóm học phần tự chọn 1 (chọn 1 học phần)</b>	<b>3</b>	
4	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	3(3-0)	
5	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>	3(3-0)	
6	Thương mại điện tử/ <i>E-Commerce</i>	3(3-0)	
<b>1.2.2</b>	<b>Nhóm học phần tự chọn 2 (chọn 1 học phần)</b>	<b>2</b>	
7	Phương pháp luận khoa học/ <i>Scientific Methodology</i>	2(2-0)	
8	Tư duy phân biện và tư duy sáng tạo / <i>Critical and Creative Thinking</i>	2(2-0)	
<b>2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>30</b>	
<b>2.1. Các học phần bắt buộc</b>		<b>20</b>	
9	Kinh tế vi mô ứng dụng/ <i>Applied Microeconomics</i>	2(2-0)	
10	Phương pháp nghiên cứu trong kế toán / <i>Research Methods for Accounting</i>	2(2-0)	
11	Lý thuyết kế toán/ <i>Accounting Theory</i>	3(2-1)	
12	Kế toán tài chính nâng cao/ <i>Advanced Financial Accounting</i>	3(2-1)	
13	Kế toán quản trị nâng cao/ <i>Advanced Management Accounting</i>	3(2-1)	
14	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo/ <i>Auditing and Assurance</i>	3(2-1)	
15	Hệ thống thông tin kế toán/ <i>Accounting Information System</i>	2(2-0)	
16	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế/ <i>International Financial Reporting Standards</i>	2(2-0)	
<b>2.2. Các học phần tự chọn</b>		<b>10</b>	
17	Kinh tế vĩ mô ứng dụng/ <i>Applied Macroeconomics</i>	2(2-0)	
18	Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp/ <i>Financial Analysis and Business Valuation</i>	2(2-0)	
19	Kế toán công/ <i>Public Accounting</i>	3(2-1)	

20	Thuế và Kế toán thuế/ <i>Tax and Tax Accounting</i>	3(2-1)	
21	Kế toán quốc tế/ <i>International Accounting</i>	3(2-1)	
22	Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán / <i>Accounting and Auditing Ethics</i>	2(2-0)	
23	Kiểm soát nội bộ/ <i>Internal Control</i>	3(2-1)	
24	Kiểm toán hoạt động/ <i>Operational audit</i>	2(2-0)	
25	Quản trị tài chính/ <i>Financial Management</i>	2(2-0)	
26	Quản trị công ty/ <i>Company Management</i>	2(2-0)	
27	Kế toán môi trường/ <i>Environmental Accounting</i>	2(2-0)	
<b>3. Thực tập</b>		<b>6</b>	
28	Chuyên đề thực tế	6	
<b>4. Tốt nghiệp</b>		<b>9</b>	
29	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>60</b>	

## 2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
				1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I Kiến thức chung</b>											
<b>Các HP bắt buộc</b>											
1		Triết học	3	R	R						
2		Tiếng Anh học thuật 1	3		I						
3		Tiếng Anh học thuật 2	3		R						
<b>Các HP tự chọn</b>											
5		Khoa học quản lý	2	R	R	R					
6		Quản lý dự án	2	R		R					
7		Thương mại điện tử	2	R							
		Phương pháp luận khoa học	2	I	R					R	
8		Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo	2	I	R	R					
<b>II Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>											
<b>Các HP bắt buộc</b>											
9		Kinh tế vi mô ứng dụng	2	R				R			

10		Phương pháp nghiên cứu trong kế toán	3		R						R
11		Lý thuyết kế toán	3		R		R				
12		Kế toán tài chính nâng cao	3				M	M	R	R	R
13		Kế toán quản trị nâng cao	3			M	R	M	M	R	
14		Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3				M	R			
15		Hệ thống thông tin kế toán	2		R		M	R	R	R	
16		Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2				M				R
<b>Các HP tự chọn</b>											
17		Kinh tế vĩ mô ứng dụng	2	R							R
18		Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp	2					R	R		
19		Kế toán công	3				M				
20		Thuế và Kế toán thuế	3				M	R			
21		Kế toán quốc tế	3				R				R
22		Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán	2	M	R						
23		Kiểm soát nội bộ	3				R				R
24		Kiểm toán hoạt động	3				R				
25		Quản trị tài chính	2			R		M	R		
26		Quản trị công ty	2			M					R
27		Kế toán môi trường	3				M	R			
<b>III Thực tập</b>											
28		Chuyên đề thực tế	6				M	M		M	M
<b>IV Tốt nghiệp</b>											
29		Đề án tốt nghiệp	9	R	R	R	M	M	M	M	M

## X. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch tiêu chuẩn trong 4 học kỳ: 3 học kỳ đầu học các học phần kiến thức chung, kiến thức ngành và chuyên ngành, học kỳ thứ tư thực hiện thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai và/hoặc làm luận văn, đề án tốt nghiệp.

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu. Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của

chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Sau Đại học và cố vấn học tập (nếu có) hoặc Ban chủ nhiệm chương trình tư vấn học viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với chuyên môn, năng lực và kế hoạch học tập của học viên.

Các phương pháp và hoạt động dạy - học nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra; các phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng được công bố công khai và được thực hiện một cách phù hợp và hiệu quả trong quá trình tổ chức đào tạo.

Các hoạt động hỗ trợ người học như truy cập tài liệu tại Thư viện, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập và nghiên cứu, giới thiệu nơi thực tập... được Nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

**TRƯỜNG KHOA/VIỆN**

**BAN CHỦ NHIỆM CTĐT**



**TS. Nguyễn Thành Cường**

**TS. Nguyễn Thành Cường**



**HIỆU TRƯỞNG**

**HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT**

*Trang Sĩ Trung*

